

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2024/HS-ST**

Ngày: 09-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Huyền – Giáo viên trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ, huyện Đăk Tô.

2. Bà Bùi Thị Hồng Huyền – Công chức UBND xã Diên Bình, huyện Đăk Tô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **A W**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 06/02/2007 tại tỉnh Kon Tum; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Rơ Ngao; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; con ông A W1 và bà Y P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Anh A W1, sinh năm 1978 và chị Y P, sinh năm 1982 (là cha, mẹ của bị cáo); trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Văn H, là Luật sư trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. Có mặt.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1999; trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh A B, sinh năm 1996 và chị Y D, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Chị Phan Thị Thanh V, sinh năm 1990; trú tại: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 04/11/2023, chị Hoàng Thị Hải Y đi vào rẫy tại thôn Đ, xã D, huyện Đ để hái cà phê. Khi đến rẫy, chị Y bỏ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple, loại iPhone 8 Plus màu hồng vào trong cốp xe mô tô hiệu Air Blade mang biển kiểm soát: 82H1-044.27 của mình, sau đó đi hái cà phê. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, A W trên đường đi thăm rẫy mì của gia đình thì thấy xe mô tô của chị Y để tại rẫy không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A W dùng tay trái nâng yên xe mô tô Air Blade của chị Y rồi dùng tay phải vào bên trong cốp xe tìm và lấy được chiếc điện thoại di động của chị Y. Sau đó, A W đã tháo sim và bán chiếc điện thoại trên cho anh A B lấy số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua được điện thoại, anh A B cùng vợ là Y D mang chiếc điện thoại đã mua đến cửa hàng điện thoại “Anh H1” thuộc K, thị trấn Đ, huyện Đ để sửa chữa.

Sau khi phát hiện mất điện thoại, qua chức năng định vị xác định được điện thoại bị mất đang ở cửa hàng điện thoại Anh H1. Sáng ngày 05/11/2023, chị Y đến cửa hàng điện thoại Anh H1 để tìm điện thoại của mình. Tại đây, chủ tiệm điện thoại là chị Phan Thị Thanh V yêu cầu chị Y mô tả lại chiếc điện thoại bị mất thì xác định đó chính là chiếc điện thoại do A B và Y D đem đến sửa vào ngày 04/11/2023. Sau đó chị Y đã đến trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá số 28/KL-ĐGTS ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện Đ kết luận: Chiếc điện thoại di động iPhone 8 Plus tại thời điểm bị trộm cắp vào ngày 04/11/2023 có giá trị là 3.450.000 (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô truy tố bị cáo A W về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội

dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về trách nhiệm hình sự*: Tuyên bố bị cáo A W phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được tiền bồi thường, không ai có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về vật chứng*: Đã được trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo - Luật sư Đinh Văn H trình bày: Thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, chưa đủ tuổi thành niên, trình độ nhận thức hạn chế, bị cáo chỉ vô tình thấy tài sản của chị Y nên nảy sinh ý định trộm cắp chứ không cố tình đi tìm tài sản để trộm cắp. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo Viện kiểm sát đề nghị.

Bị hại, người đại diện hợp pháp xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo; người bào chữa; bị hại, không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa nhưng không làm ảnh hưởng tới quá trình xét xử, lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù

hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 04/11/2023, vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo A W đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chị Hoàng Thị Hải Y để trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 8 Plus, màu hồng, số máy: NQ8V2LL/A, số seri: DX3Z35MZJCM4, số IMEI: 354836098921249, trị giá 3.450.000 (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về tội danh theo điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, vì vậy cần phải xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét thấy khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cơ hội để tự cải tạo bản thân tại nơi cư trú. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36, Điều 100 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; anh A B và chị Y D đã nhận lại số tiền 700.000 đồng mua điện thoại và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 8 Plus, màu hồng, số máy: NQ8V2LL/A, số seri: DX3Z35MZJCM4, số IMEI: 354836098921249 cho chị Hoàng Thị Hải Y là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với A B là người đã mua lại chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp. Bị cáo nói với A B là điện thoại nhặt được, A B không biết đó là tài sản trộm cắp, vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý hình sự A B về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo A W phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; khoản 1 Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A W **08** (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo A W cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo A W phải chịu **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/4/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- Sơ Tư pháp tỉnh Kon Tum;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CA huyện Đăk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đăk Tô;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án.

Trần Minh Huy